

Bản án số: 28/ 2017/HNGĐ-ST

Ngày: 8/12/ 2017.

**Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Công.

2. Ông Lê Thanh Thu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 117/2017/TLST- HNGĐ ngày 3 tháng 10 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/ QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim N; có mặt.

Địa chỉ: Xóm 3A, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Lê Văn T; vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3A, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Hiện anh Lê Văn T đang chấp hành án tại: Đội 22, phân trại số 4, trại giam L

- Tổng cục VIII - Bộ công an; địa chỉ: Thị trấn C, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

NHÂN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: Chị và anh Lê Văn T sau thời gian tự do tìm hiểu khoảng 1 tháng thì tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ngày 10 tháng 3 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 tháng thì anh T phạm tội cướp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định xử phạt 3 năm tù giam. Anh T chấp hành án tại trại giam K thuộc xã V, huyện L, tỉnh Ninh Bình. Mặc dù vậy tình cảm giữa chị và anh T không bị rạn nứt, chị đã nhiều lần vào thăm anh T để động viên anh T cải tạo tốt. Tháng 6 năm 2012 anh T ra trại thì đến ngày 5 tháng 7 năm 2012 anh T lại phạm tội Mua bán trái phép chất

ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 7 năm tù. Anh T chấp hành án tại trại giam L từ đó cho đến nay. Trong thời gian này chị có 2 lần vào thăm anh T, lần cuối cùng vào cuối tháng 9 năm 2017 chị vào thăm anh T và trao đổi cùng anh T về việc ly hôn của vợ chồng thì anh T nhất trí. Thực tế vợ chồng chị chỉ sống cùng nhau một thời gian rất ngắn, bản thân anh T luôn phạm tội và phải đi tù trong thời gian dài. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung (riêng): Chị và anh T không ai có con riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị đang trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Thị Ngọc Á sinh ngày 30 tháng 12 năm 2009. Anh T đang chấp hành án tại trại giam L không có điều kiện, khả năng kinh tế nuôi con. Chị có chỗ ở và thu nhập ổn định 6.000.000 đồng / 1 tháng. Do đó chị đề nghị Tòa án giao cháu Lê Thị Ngọc Á sinh ngày 30 tháng 12 năm 2009 cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Á.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị và anh T không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2017 bị đơn là anh Lê Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kim N sau khoảng thời gian tự do tìm hiểu 1 tháng thì kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ngày 10 tháng 3 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống với bố mẹ đẻ anh ở xóm 3, xã N, huyện Y. Thực tế vợ chồng anh chỉ chung sống với nhau khoảng 4 tháng thì anh phạm tội cướp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định xử phạt 3 năm tù giam. Sau đó anh đi chấp hành án tại trại giam K thuộc xã V, huyện L, tỉnh Ninh Bình. Trong thời gian này chị N có đến thăm nom anh. Đến tháng 6 năm 2012 anh được ra trại, vợ chồng chung sống hòa thuận. Nhưng do anh chơi bời nên đến tháng 7 năm 2012 anh lại phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 7 năm tù. Anh đi chấp hành án tại trại giam L thuộc huyện X, tỉnh Thanh Hóa từ tháng 11 năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian anh chấp hành án tại trại giam L chị N thỉnh thoảng vào thăm anh và có đặt vấn đề xin ly hôn anh vào tháng 9 năm 2017. Do anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung (riêng): Anh và chị Nguyễn Thị Kim N không ai có con riêng; con chung có 1 cháu Lê Thị Ngọc Á sinh ngày 30 tháng 12 năm 2009, hiện chị N trực tiếp nuôi. Do hiện nay anh đang chấp hành án tại trại giam L nên anh đề nghị Tòa án giao cháu Lê Thị Ngọc Á sinh ngày 30 tháng 12 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị Kim N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Á trưởng thành, tự lập được cuộc sống và anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Á cùng chị N.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh và chị N không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim N ly hôn anh Lê Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc Á sinh ngày 30 tháng 12 năm 2009 cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Á và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N nộp 300.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Lê Văn T, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lê Văn T là hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của các đương sự và biên bản xác minh ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án thì chị N kết hôn với anh T được 8 năm nhưng anh chị chỉ chung sống với nhau hơn 4 tháng, thời gian còn lại anh T phải đi thi hành án phạt tù. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N có đơn xin ly hôn và anh T nhất trí ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

3/ Về con chung (riêng): Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lê Văn T có 1 con chung là cháu Lê Thị Ngọc Á sinh ngày 30 tháng 12 năm 2009, hiện chị N là người trực tiếp nuôi cháu Á. Anh T đang thi hành án tại trại giam L nên không có điều kiện, khả năng kinh tế nuôi con. Do đó chị N và anh T đều đề nghị Tòa án giao cháu Lê Thị Ngọc Á sinh ngày 30 tháng 12 năm 2009 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Á trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Tại biên bản xác minh ngày 16 tháng 10 năm 2017, đại diện của Hội phụ nữ xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũng đề nghị Tòa án giao cháu Á cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo việc học hành và sự phát triển bình thường của cháu.

Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Á, theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thấy cần phải giao cháu Lê Thị Ngọc Á sinh ngày 30 tháng 12 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị Kim N nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Do anh T đang thi hành án tại trại giam L không có điều kiện, khả năng kinh tế nuôi con nên chị N không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con. Xét thấy việc chị N không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con là tự nguyện và phù hợp với thực tế nên không buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Á. Anh T có quyền đi lại thăm con theo quy định tại khoản 3 điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị N và anh T không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lê Văn T không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Lê Văn T được ly hôn.

2/ Về con chung : Giao cháu Lê Thị Ngọc Á sinh ngày 30 tháng 12 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị Kim N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Lê Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Á và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/ 0001769 ngày 3 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình .

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA dân sự huyện Y.
- UBND xã N, huyện Y.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Phương